

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PA  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2020/DSST

Ngày 12-6-2020

*“v/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mỹ Lệ.

2. Bà Phùng Thị Tố Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Giang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* ông Nay San - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa-Gia Lai (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị Như H2, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa-Gia Lai (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa-Gia Lai (Có mặt).

-*Những người làm chứng:*

+Bà Nguyễn Thị P(tên gọi khác: Hai Bia), sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa-Gia Lai (Có mặt).

+Bà Lê Thị T

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa-Gia Lai (Vắng mặt).

+Bà Trần Thị Ngọc H4, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa-Gia Lai (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Trong đơn khởi kiện và quá trình trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H1 trình bày:*

Vào đầu năm 2014, chị Trịnh Thị Như H2 có đến vay tiền của bà 02 lần với tổng số tiền là 450.000.000 đồng. Đến ngày 20/8/2014, chị Trịnh Thị Như H2 viết 01 bản cam kết thể hiện chị H2 vay lần thứ nhất của bà số tiền là 200.000.000 đồng và lần thứ hai là 250.000.000 đồng, chị H2 ký nhận nợ là chị Trịnh Thị Như H2. Đến cuối năm 2014, cụ thể là vào ngày 30/12/2014 chị Trịnh Thị Như H2 có đem trả cho bà số tiền là 100.000.000 đồng, sau đó khoảng một thời gian thì chị H2 trả cho bà thêm 50.000.000 đồng nữa. Vì vậy, chị H2 đã trả được cho bà số tiền là 150.000.000 đồng, chị H2 còn nợ lại bà 300.000.000 đồng. Số tiền này bà cho chị H2 vay mượn để chị H2 đầu tư làm ăn riêng và hai bên có cam kết là khi nào bà cần thì chỉ báo cho chị H2 để chị Hồng lo và trả cho bà. Nhưng đến năm 2018, bà đã nhiều lần yêu cầu chị H2 trả số tiền 300.000.000 đồng này thì chị H2 không chịu trả và cho rằng mẹ chị H2 là bà Nguyễn Thị H3 đã nhận nợ thay số tiền này. Nay bà đề nghị tòa án buộc chị Trịnh Thị Như H2 phải trả cho bà số tiền còn nợ lại là 300.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Về khoản nợ mà chị H2 cho rằng mẹ mình là bà H3 nhận nợ thay cho chị H2 thì bà Hạ cho biết như sau:

-Thứ nhất, vào ngày 08/11/2015, chị H2 có nhờ bà H3 đến nhà bà nhận số tiền 400.000.000 đồng để chị H2 nhập bia cho bà bán vào tết năm 2016 và sau đó bà H3 có đến nhà vay thêm số tiền là 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần bà H3 nhận tiền từ bà là 500.000.000 đồng, sau đó chị H2 không giao bia và cũng không có khả năng trả lại số tiền trên nên bà H3 đã tự nguyện đứng ra nhận nợ thay con gái mình số tiền 400.000.000 đồng và 100.000.000 đồng mà mình đã vay của bà H1, tổng cộng số nợ là 500.000.000 đồng. Vì không có tiền lúc đó, bà Nguyễn Thị H3 cùng với bà lên vay của bà Nguyễn Thị P số tiền là 500.000.000 đồng để bà H3 thanh toán số nợ này cho bà. Bà H3 đã viết lại giấy nhận nợ với số tiền 500.000.000 đồng này cho bà P và bà P có yêu cầu bà phải có cam kết chịu trách nhiệm nếu bà H3 không trả cho bà P. Vài tháng sau đó, khi cần tiền bà P đã yêu cầu bà H3 trả tiền nhưng lúc đó bà H3 không có khả năng trả thì bà lại đứng ra trả số nợ này cho bà P.

-Thứ hai, bà cho rằng nếu bà H3 đã lãnh nợ thay con gái mình thì bà H3 phải biết số nợ con gái của mình là bao nhiêu (vì số tiền còn nợ lại chỉ là 300.000.000 đồng và số tiền lãnh nợ là 500.000.000 đồng) và khi lãnh nợ thay con gái mình thì bà H3 phải yêu cầu bà hủy bỏ hoặc phải đưa lại giấy nhận nợ trên cho bà H3.

Từ 02 nguyên nhân trên thì bà xác định 02 số tiền này là khác nhau và nó thể hiện 02 khoản nợ tại hai thời điểm và mục đích phát sinh khoản nợ khác nhau.

*2. Tại bản tự khai ngày 20/8/2019 và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trịnh Thị Như H2 trình bày:*

Vào cuối năm 2014, chị có vay của bà Trần Thị H1 02 lần tiền tổng cộng là 450.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy cam kết có chữ ký và ghi họ tên người nợ là Trịnh Thị Như H2. Nhưng đến năm 2016, chị bị tai nạn nằm ở bệnh viện thì bà H1 có nói nếu chị không trả thì bà H1 lên quay nên chị có nói với mẹ chị là Nguyễn Thị H3 lãnh nợ thay khoản nợ trên cho chị và bà H1 bắt mẹ chị phải ký vào

giấy lãnh nợ là 500.000.000 đồng(trong đó 450.000.000 đồng nợ gốc và 50.000.000 đồng nợ lãi). Ngoài ra, vào cuối năm 2015, chị có vay của bà H1 số tiền 400.000.000 đồng để trừ bìa cho bà H1 nhưng chị đã giao đủ bìa cho bà H1 rồi.Vì vậy, hiện nay chị không còn khoản nợ nào đối với bà H1 nữa nên chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H1.

3. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019, biên bản đối chất ngày 23/9/2019 và tại phiên tòa,người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H3trình bày:*

Vào đầu năm 2016, khi con gái bà là Trịnh Thị Như H2 làm ăn bị thua lỗ, khi đó lại bị tai nạn và nằm ở bệnh viện thì bà Trần Thị H1 có đến gặp bà và yêu cầu bà nhận nợ thay cho con gái mình là 500.000.000 đồng, lúc đó bà không biết con gái bà nợ bao nhiêu và nợ khoản gì mà bà chỉ đứng ra ký và nợ thay cho con mình là 500.000.000 đồng và không nhận lại bất kỳ giấy nợ nào của bà H1 về việc thỏa thuận việc vay mượn giữa bà H1 và con gái bà. Hiện nay bà đã trả cho bà H1 được 300.000.000 đồng, còn nợ lại của bà H1 số tiền là 200.000.000 đồng. Nhưng do chưa có tiền trả nên bà H1 khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà phải trả cho bà H1 số tiền trên. Tại phiên tòa bà đã chấp nhận trả số tiền 200.000.000 đồng trên cho bà H1. Vì vậy hiện nay bà và con gái của bà làTrịnh Thị Như H2 không còn nợ gì của bà H1 nữa.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2019 và tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị Ph trình bày: vào ngày 29/12/2015 (âm lịch), bà Trần Thị H1 có dẫn bà Nguyễn Thị H3 lên nhà bà (lúc đó tôi ở tổ dân phố 8, thị trấn Phú Túc) để bà H3 mượn của bà số tiền là 500.000.000 đồng, bà H3 là người nói với bà cho bà H3 mượn 500.000.000 đồng để trả nợ cho bà H1 và bà H3 có nói là “qua tết bà Hải hót hụi thì bà H3 sẽ trả tiền cho bà”. Lúc này bà có yêu cầu bà H3 viết giấy nhận nợ đối với số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu bà Trần Thị H1 cam kết phải chịu trách nhiệm với khoản vay này nếu bà H3 không trả cho bà.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2019, người làm chứng bà Lê Thị T trình bày: vào dịp cuối năm 2015, khi bà đến mua hàng thì có ngồi chơi và nói chuyện với bà H1 thì có bà H3 qua mượn bà Hạ số tiền là 100.000.000 đồng để bà H3 về mua bò trừ bán vào dịp tết. Ngoài ra, bà có nghe thấy giữa hai người còn nói về nội dung là “việc chị H2 con của bà H1 đã nhận tiền của bà H1 nhưng chưa thấy giao bìa, bà H3 có nói nếu chị H2 không giao được thì bà H3 sẽ đứng ra gánh khoản nợ này cho chị H2”.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2019 và tại phiên tòa, người làm chứng bà Trần Thị Ngọc H4 trình bày: bà nhớ rất rõ, vì đó là dịp cuối năm, thị trường bìa đang rất nóng, lúc đó nghe em của bà là Trần Thị H1 mượn bà 100.0000.000 đồng để nhập bìa chỗ chị Trịnh Thị Như H2 với số tiền là 400.000.000 đồng (vì bà H1 chỉ có 300.000.000 đồng). Khi bà đưa tiền cho bà H1 thì có bà Nguyễn Thị H3 là mẹ của chị H2 đến lấy tiền thay cho chị H2, khi bà H1 giao số tiền 400.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H3 thì bà có chứng kiến và biết được việc này. Bà H3 là người trực tiếp nhận và đếm tiền từ bà H1 với số tiền là 400.000.000 đồng.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2019, anh Bùi Tuấn K trình bày :Từ trước đến nay anh không có vay mượn gì của bà H1, còn việc bà H1 cung cấp chứng cứ thể hiện vợ anh là chị H2 vay 02 lần tiền tổng cộng là 450.000.000 đồng thì anh

không biết việc này. Nhưng sau này, khi bà H1 khởi kiện thì anh mới biết và khoản nợ này được bà H3 (mẹ của chị H2) lãnh nợ thay cho chị H2 rồi và bà H3 đã trả cho bà H1 xong. Ngoài ra, anh không biết gì khác.

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ là giấy nhận nợ lập ngày 20/8/2014 có chữ ký và ghi họ tên người nợ là Trịnh Thị Như H2 số tiền tổng cộng 02 lần là 450.000.000 đồng. Đến cuối năm 2014 cụ thể là vào ngày 30/12/2014, chị H2 đã trả cho bà H1 số tiền là 100.000.000 đồng, sau đó chị H2 trả thêm được số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 300.000.000 đồng, từ đó chị H2 không trả nữa mặc dù bà H1 đi đòi nhiều lần nên bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trịnh Thị Như H2 phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng cho bà H1 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 474 và 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005: Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H1. Buộc chị Trịnh Thị Như H2 phải trả cho bà Trần Thị H1 số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Trịnh Thị Như H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại cho bà Trần Thị H1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*2. Về nội dung:*

Nguyên đơn bà Trần Thị H1 khởi kiện bị đơn chị Trịnh Thị Như H2 phải trả số tiền còn nợ lại là 300.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ là giấy nhận nợ lập ngày 20/8/2014 có chữ ký và ghi họ tên người nợ là Trịnh Thị Như H2 với số tiền tổng cộng 02 lần là 450.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định vào năm 2014, chị Trịnh Thị Như H2 có vay của bà Trần Thị H1 số tiền là 450.000.000 đồng và đến cuối năm 2014 cụ thể là vào ngày 30/12/2014, chị H2 đã trả cho bà H1 số tiền là 100.000.000 đồng, sau đó chị H2 trả thêm được số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 300.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 đều cho rằng khoản nợ 450.000.000 đồng mà chị H2 vay của bà H1 vào ngày 20/8/2014 đã được bà H3 là mẹ của chị H2 lãnh nợ thay, lúc ghi giấy lãnh nợ bà H1 bắt bà H3 phải ghi giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng (trong đó 450.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 50.000.000 đồng là nợ lãi) nên hai khoản tiền trên là chung một khoản nợ. Hiện nay khoản tiền này, bà H3 đã trả cho bà H1 xong. Vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo nội dung giấy lãnh nợ, bà H3 có xác định rằng sau khi thanh toán 200.000.000 đồng nợ gốc và 73.000.000 đồng nợ lãi cho bà H1 thì số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng. Do đó, số tiền nợ gốc ban đầu mà bà H3 nhận trách nhiệm thanh toán thay chị H2 là 500.000.000 đồng. Như vậy, nội dung trong giấy lãnh nợ không phù hợp với lời khai của chị H2 và khoản nợ trong giấy lãnh nợ cũng không tương ứng với khoản nợ trong bản cam kết thể hiện chị H2 vay tiền của bà H1 vào ngày 20/8/2014. Ngoài ra, việc bà H3 cho rằng số tiền 450.000.000 đồng đã được bà lãnh nợ thay cho chị H2 nhưng bà không biết chị H2 nợ bao nhiêu tiền và lãnh nợ khoản tiền gì. Vì vậy, không có căn cứ xác định khoản nợ mà bà H3 chịu trách nhiệm trả cho bà H1 thay chị H2 và khoản nợ mà chị H2 xác nhận vay của bà H1 ngày 20/8/2014 là chung một khoản nợ.

Trong đơn khởi kiện bà H1 yêu cầu cả anh Bùi Tuấn K(chồng chị H2) cùng liên đới trả nợ cho bà H1 số tiền 300.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh K cùng đứng ra vay mượn số tiền trên và chị H2 cũng thừa nhận số tiền 450.000.000 đồng mà chị vay của bà H1 trước đây thì anh K không biết, không liên quan nên bà H1 thay đổi yêu cầu buộc chị H2 có trách nhiệm trả nợ cho bà H1 với số tiền đã vay còn nợ lại là 300.000.000 đồng và không tính lãi suất, xét đây là ý chí tự nguyện của bà Trần Thị H1 nên cần chấp nhận.

*-Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 300.000.000 đồng. Chị Trịnh Thị Như H2 phải nộp 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 302, 471, 474 và 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H1.

Buộc chị Trịnh Thị Như H2 phải trả cho bà Trần Thị Hạ số tiền còn nợ lại là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Trịnh Thị Như H2 phải nộp 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H1 toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006149 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Bà Trần Thị H1, chị Trịnh Thị Như H2 và bà Nguyễn Thị H3 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự (03 bản);
- Tòa án tỉnh Gia lai (01 bản);
- VKSND h Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h.Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ksor Pep**

